

**TỔNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ
TIN HỌC
VIỆT NAM**

Digitally signed by TỔNG CÔNG
TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN
HỌC VIỆT NAM
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100103351
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.30
17:28:10
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.3.0

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 45

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và gần nhất lần thứ 08 ngày 18/12/2025 do Sở tài chính TP. Hà Nội cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, cập nhật thông tin địa giới hành chính, thông tin liên hệ và một số thông tin khác của Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 18/12/2025 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025)
	Phó Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025)
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025)
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Trần Kim Khánh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Trần Nam Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 12/01/2026)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 12/01/2026)
	Thành viên (Từ ngày 12/01/2026)
Bà Trần Thu Huệ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ban Điều hành

Ông Vũ Văn Hậu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025)
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/11/2025)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/11/2025)
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 09/4/2025)
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025)
	Phụ trách kế toán (Từ ngày 09/4/2025 đến ngày 10/11/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành



Nguyễn Quốc Hưng

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy Ủy quyền số 577UQ/ĐT-VP

ngày 18/12/2025 của Tổng Giám đốc)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 211/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành****Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, được lập ngày 27/3/2026, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		621.437.074.309	508.803.291.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	98.556.284.276	101.678.180.741
1. Tiền	111		71.365.284.276	34.118.348.682
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.191.000.000	67.559.832.059
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		179.467.301.286	126.507.301.286
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(85.094.964)	(85.094.964)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	179.265.000.000	126.305.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		286.342.735.081	187.800.932.934
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	315.726.001.641	139.118.816.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	27.140.524.827	37.879.934.634
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	11.400.000.000	12.100.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	40.895.163.187	39.202.311.107
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(108.968.669.025)	(40.649.843.823)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	49.576.543.005	86.450.771.143
1. Hàng tồn kho	141		81.127.710.223	95.192.503.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.551.167.218)	(8.741.732.371)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.494.210.661	6.366.105.420
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	6.413.159.858	4.883.856.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.258.207	793.482.819
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	935.792.596	688.766.191
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		191.435.648.434	237.278.082.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.351.192.740	18.351.192.740
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	135.745.200	135.745.200
II. Tài sản cố định	220		104.061.277.260	113.677.950.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	69.974.380.627	78.943.369.438
- Nguyên giá	222		238.274.532.875	237.468.485.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.300.152.248)	(158.525.116.317)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	34.086.896.633	34.734.580.685
- Nguyên giá	228		46.104.084.706	46.104.084.706
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.017.188.073)	(11.369.504.021)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	8.799.944.019	9.616.450.537
1. Nguyên giá	231		41.120.042.125	41.120.042.125
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.320.098.106)	(31.503.591.588)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.952.321.851	18.477.720.942
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	9.952.321.851	18.477.720.942
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	42.481.683.297	69.306.411.992
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		42.481.683.297	71.106.411.992
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.800.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.789.229.267	7.848.355.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6.020.555.622	6.627.133.525
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.768.673.645	1.221.222.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		812.872.722.743	746.081.373.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		205.447.116.933	195.364.204.051
I. Nợ ngắn hạn	310		125.346.967.081	113.763.634.855
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	74.395.617.345	53.859.947.294
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	13.139.695.488	21.367.886.258
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	3.723.600.286	2.491.646.859
4. Phải trả người lao động	314		9.096.896.254	9.641.614.247
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.734.893.448	4.078.591.776
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	1.642.227.593
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		347.900.000	573.537.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	9.940.323.664	13.583.546.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	8.665.000.000	3.519.779.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		368.880.014	988.182.356
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		934.160.582	2.016.675.253
II. Nợ dài hạn	330		80.100.149.852	81.600.569.196
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	15.720.017.195	12.962.237.505
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	37.113.324.147	37.396.424.091
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		27.266.808.510	31.241.907.600
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		607.425.605.810	550.717.169.650
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	607.425.605.810	550.717.169.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.948.729)	(13.064.952.951)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.723.240.053	53.234.868.452
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.384.448.066	(41.533.795.260)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(46.483.649.576)	(35.260.159.132)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.868.097.642	(6.273.636.128)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		136.330.393.407	134.028.576.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		812.872.722.743	746.081.373.701

Người lập biểu

Vũ Thị Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND (Restate)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	390.421.803.466	296.566.640.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	110.350.047	58.962.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	390.311.453.419	296.507.678.125
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	296.529.164.216	197.849.662.697
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		93.782.289.203	98.658.015.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	158.971.092.648	11.561.100.483
7. Chi phí tài chính	22	6.4	291.684.578	723.058.331
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		158.632.086	473.281.838
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		1.270.261.766	(1.282.188.097)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	41.201.557.131	32.002.228.332
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	142.984.230.515	74.912.525.411
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		69.546.171.393	1.299.115.740
12. Thu nhập khác	31	6.6	7.451.093.627	7.415.023.796
13. Chi phí khác	32	6.6	6.400.292.398	578.209.462
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.050.801.229	6.836.814.334
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		70.596.972.622	8.135.930.074
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.429.346.248	3.567.668.480
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(4.522.550.417)	4.235.411.079
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		68.690.176.791	332.850.515
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		60.868.097.642	(6.273.636.128)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.822.079.149	6.606.486.643
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.390	(166)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thảo

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.596.972.622	8.135.930.074
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		12.506.469.563	8.885.492.337
- Các khoản dự phòng	03		90.508.957.707	4.359.060.618
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(87.886.484)	(59.433.317)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(159.463.822.172)	(11.127.876.400)
- Chi phí lãi vay	06		158.632.086	473.281.838
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.219.323.322	10.666.455.150
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.461.111.926)	86.462.156.095
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.064.793.291	3.260.679.372
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.512.632.865	(67.796.688.124)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(922.725.545)	(2.292.581.377)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(158.632.086)	(458.640.742)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.177.967.411)	(3.611.690.179)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.914.046.551)	(3.119.347.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		162.265.959	23.110.342.431
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		1.556.124.364	(4.672.508.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		4.810.882.227	42.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(240.460.000.000)	(240.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		188.200.000.000	233.492.500.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.275.267.637	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.800.424.311	16.570.373.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		182.698.539	5.183.092.541

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		17.130.000.000	13.435.292.684
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.984.779.000)	(43.423.613.684)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.615.117.600)	(3.197.171.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.469.896.600)	(33.185.492.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.124.932.102)	(4.892.057.728)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		101.678.180.741	106.526.049.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.035.637	44.188.892
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	98.556.284.276	101.678.180.741

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thảo



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Quốc Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và gần nhất lần thứ 08 ngày 18/12/2025 về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật, cập nhật thông tin địa giới hành chính, thông tin liên hệ và một số thông tin khác của Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 18/12/2025 là: 438.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 350 người (Tại ngày 31/12/2024 là 407 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Số 204 đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5 tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65%	65%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, Tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, TP Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	98,22%	98,22%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 - 76 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%	49%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

Các chi nhánh phụ thuộc:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, phường Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính của các Công ty con của Tổng Công ty đã được soát xét là Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức; Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa; Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình; Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa; Công ty Cổ phần Công trình Viettronics và Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư***Bất động sản đầu tư cho thuê***

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc trên đất và được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Theo đó quyền sử dụng đất không tính khấu hao và thời gian hữu dụng ước tính của nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước****Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động chính của Công ty là lắp đặt thiết bị điện tử, dịch vụ và Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	792.739.527	1.128.836.118
Tiền gửi ngân hàng	70.572.544.749	32.989.512.564
Các khoản tương đương tiền (*)	27.191.000.000	67.559.832.059
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	27.191.000.000	67.559.832.059
Tổng	98.556.284.276	101.678.180.741

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,4% đến 4,75%/năm.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	179.265.000.000	179.265.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	179.265.000.000	179.265.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000
Tổng	179.265.000.000	179.265.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000

(*): Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng - 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8% - 5,3%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	315.726.001.641	139.118.816.565
Công ty TNHH Đầu tư TM và XNK Khang Phúc	22.176.666.534	22.176.666.534
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	-	7.481.758.363
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia	-	1.448.837.040
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	-	4.628.502.810
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	22.453.643.706	23.203.643.706
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	1.898.564.713	7.525.961.877
Công ty Cổ phần GLC Vina	137.088.000.000	-
Các khách hàng khác	132.109.126.688	72.653.446.235
Tổng	315.726.001.641	139.118.816.565

*Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình
bày Thuyết minh 7.1*

3.923.319.943

-

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	27.140.524.827	37.879.934.634
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty CP Đầu tư và thương mại - HK	-	5.724.629.173
Công ty TNHH XPAD	9.860.069.072	10.491.048.027
Các đối tượng khác	12.426.104.755	16.809.906.434
Dài hạn	18.215.447.540	18.215.447.540
Công ty TNHH Một Thành Viên	18.215.447.540	18.215.447.540
Tổng	45.355.972.367	56.095.382.174

(*): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản trả trước này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	9.000.000.000	-	9.200.000.000	-
Nguyễn Anh Dũng	1.500.000.000	-	2.000.000.000	-
Đức 1	900.000.000	(900.000.000)	900.000.000	(450.000.000)
Tổng	11.400.000.000	(900.000.000)	12.100.000.000	(450.000.000)

Trong đó Phải thu về cho vay là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1

9.900.000.000

10.100.000.000

5.6 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	40.895.163.187	(14.941.422.251)	39.202.311.107	(10.677.476.144)
Tạm ứng	14.519.685.595	-	14.981.947.979	-
Ký cược, ký quỹ	92.100.000	-	112.297.275	-
Phải thu cổ phần hóa	42.217.500	-	46.417.500	-
Phải thu khác	26.241.160.092	(14.941.422.251)	24.061.648.353	(10.677.476.144)
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
Thu từ cán bộ công nhân viên tiền mua đất tại Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.378.206.465	-	4.305.288.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc - phải thu lợi nhuận hợp tác khai thác mặt bằng	7.460.000.000	(2.699.000.000)	4.280.000.000	-
Các đối tượng khác	6.830.696.454	(5.364.395.078)	5.904.102.411	(3.799.448.971)
Dài hạn	135.745.200	-	135.745.200	-
Phải thu cổ phần hóa	96.245.200	-	96.245.200	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	39.500.000	-	39.500.000	-
Tổng	41.030.908.387	(14.941.422.251)	39.338.056.307	(10.677.476.144)

Trong đó Phải thu khác là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1

230.496.948

230.496.948

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng	78.734.096.774	(78.617.353.685)	116.743.089	25.273.039.284	(22.343.300.099)	2.929.739.185
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.772.258.106	(3.772.258.106)	-	3.774.418.106	(3.774.418.106)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668.107.020	(668.107.020)	-	668.107.020	(668.107.020)	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	-	97.369.095	(97.369.095)	-
Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	-	273.131.651	(273.131.651)	-
Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	61.972.800	(61.972.800)	-	64.132.800	(64.132.800)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	5.137.698.385	(5.137.698.385)	-	5.182.315.123	(4.985.815.123)	196.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	(747.000.000)	-	747.000.000	(747.000.000)	-
Các khách hàng khác	1.141.507.437	(1.141.507.437)	-	1.186.124.175	(989.624.175)	196.500.000
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	12.006.720.379	(12.006.720.379)	-	6.184.871.116	(3.598.549.903)	2.586.321.213
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	3.923.319.943	(3.923.319.943)	-	3.923.319.943	(3.545.477.949)	377.841.994
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Quốc tế Incootec	6.865.849.178	(6.865.849.178)	-	-	-	-
Các khách hàng khác	1.217.551.258	(1.217.551.258)	-	2.261.551.173	(53.071.954)	2.208.479.219
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.777.023.275	(2.777.023.275)	-	587.070.283	(587.070.283)	-
Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	484.966.883	(484.966.883)	-
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	2.189.952.992	(2.189.952.992)	-	-	-	-
Công ty Phát triển Công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	102.103.400	(102.103.400)	-
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.133.887.076	(2.133.887.076)	-	1.103.481.107	(1.103.481.107)	-
Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	455.085.690	(455.085.690)	-
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	484.501.900	(484.501.900)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam	992.001.169	(992.001.169)	-	-	-	-
Các khách hàng khác	202.298.317	(202.298.317)	-	163.893.517	(163.893.517)	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	1.837.029.388	(1.720.286.299)	116.743.089	1.825.308.238	(1.678.390.266)	146.917.972
Công ty TNHH Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Cường Nga	185.157.864	(68.414.775)	116.743.089	253.666.364	(106.748.392)	146.917.972
Các khách hàng khác	1.651.871.524	(1.651.871.524)	-	1.571.641.874	(1.571.641.874)	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu (Tiếp theo)

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng
					Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	51.069.480.165	(51.069.480.165)	-	6.615.575.311	(6.615.575.311)
Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	1.161.897.311	(1.161.897.311)
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	2.800.000.000	(2.800.000.000)
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	-	-
Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	(22.176.666.534)	-	-	-
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	21.013.690.714	(21.013.690.714)	-	-	-
Các khách hàng khác	1.263.547.606	(1.263.547.606)	-	2.653.678.000	(2.653.678.000)
Trả trước cho người bán	14.509.893.089	(14.509.893.089)	-	8.031.416.499	(7.179.067.580)
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	4.926.851.000	(4.926.851.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)
Các đối tượng khác	72.500.000	(72.500.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	7.145.249.631	(7.145.249.631)	-	2.677.065.499	(1.824.716.580)
Foshan Rumpeng Electronic Limited Company	1.803.716.580	(1.803.716.580)	-	1.803.716.580	(1.803.716.580)
Xin Ying Global Limited	4.960.882.650	(4.960.882.650)	-	-	-
Các đối tượng khác	380.650.401	(380.650.401)	-	873.348.919	(21.000.000)
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.437.792.458	(2.437.792.458)	-	500.000.000	(500.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật và Môi trường (ENTECH)	675.552.398	(675.552.398)	-	-	-
Công ty TNHH một thành viên M Thắng	900.000.000	(900.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Công nghệ ECA	270.000.000	(270.000.000)	-	-	-
Các đối tượng khác	92.240.060	(92.240.060)	-	-	-
Phải thu về cho vay	900.000.000	(900.000.000)	-	900.000.000	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	900.000.000	(900.000.000)	-	900.000.000	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	900.000.000	(900.000.000)	-	900.000.000	(450.000.000)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu (Tiếp theo)

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khác	19.702.422.251	(14.941.422.251)	4.761.000.000	11.170.849.581	(10.677.476.144)	493.373.437
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</i>	<i>6.719.188.518</i>	<i>(6.719.188.518)</i>	-	<i>6.719.188.518</i>	<i>(6.719.188.518)</i>	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</i>	<i>2.757.042.460</i>	<i>(2.757.042.460)</i>	-	<i>1.580.107.721</i>	<i>(1.204.811.380)</i>	<i>375.296.341</i>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.508.127.600)	-	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341
Công ty TNHH Kỹ thuật TICO	931.367.889	(931.367.889)	-	-	-	-
Các khách hàng khác	317.546.971	(317.546.971)	-	71.980.121	(71.980.121)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình</i>	<i>257.393.496</i>	<i>(257.393.496)</i>	-	<i>412.142.118</i>	<i>(294.065.022)</i>	<i>118.077.096</i>
Các khách hàng khác	257.393.496	(257.393.496)	-	412.142.118	(294.065.022)	118.077.096
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</i>	<i>7.460.000.000</i>	<i>(2.699.000.000)</i>	<i>4.761.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Lộc	7.460.000.000	(2.699.000.000)	4.761.000.000	-	-	-
<i>Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</i>	<i>2.508.797.777</i>	<i>(2.508.797.777)</i>	-	<i>2.459.411.224</i>	<i>(2.459.411.224)</i>	-
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	120.067.263	(120.067.263)	-	120.067.263	(120.067.263)	-
Các đối tượng khác	280.732.941	(280.732.941)	-	231.346.388	(231.346.388)	-
Tổng	113.846.412.114	(108.968.669.025)	4.877.743.089	45.375.305.364	(40.649.843.823)	4.725.461.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	9.576.397.046	(4.371.293.690)	9.380.203.188	(2.500.797.586)
Công cụ và dụng cụ	191.274.909	(75.848.878)	170.845.168	(74.748.878)
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	25.681.802.832	(4.002.110.685)	34.699.986.422	(20.695.324)
Thành phẩm	31.000.914.933	(16.961.555.834)	27.879.030.574	(3.770.628.252)
Hàng hóa	13.968.383.190	(6.140.358.131)	22.353.500.849	(2.374.862.331)
Hàng gửi đi bán	708.937.313	-	708.937.313	-
Tổng	81.127.710.223	(31.551.167.218)	95.192.503.514	(8.741.732.371)

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	6.413.159.858	4.883.856.410
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.320.000	33.874.997
Chi phí sửa chữa	4.035.259.027	2.100.711.107
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.371.580.831	2.749.270.306
Dài hạn	6.020.555.622	6.627.133.525
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	384.054.934	87.029.833
Chi phí sửa chữa	863.122.818	887.912.755
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	-	2.014.500
Chi phí thuê văn phòng	3.126.666.685	3.224.121.229
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.646.711.185	2.426.055.208
Tổng	12.433.715.480	11.510.989.935

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	164.516.027.090	51.635.583.785	19.818.686.036	923.438.844	574.750.000	237.468.485.755
Tăng trong năm	-	1.637.741.414	-	49.363.636	386.185.132	2.073.290.182
Mua trong năm	-	1.637.741.414	-	49.363.636	-	1.687.105.050
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	386.185.132	386.185.132
Giảm trong năm	-	-	1.267.243.062	-	-	1.267.243.062
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.267.243.062	-	-	1.267.243.062
Số dư tại 31/12/2025	164.516.027.090	53.273.325.199	18.551.442.974	972.802.480	960.935.132	238.274.532.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	98.365.399.590	41.048.697.035	18.072.123.024	905.810.239	133.086.429	158.525.116.317
Tăng trong năm	3.924.763.332	6.709.002.374	294.547.205	19.546.114	94.419.968	11.042.278.993
Khấu hao trong năm	3.924.763.332	6.709.002.374	294.547.205	19.546.114	94.419.968	11.042.278.993
Giảm trong năm	-	-	1.267.243.062	-	-	1.267.243.062
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.267.243.062	-	-	1.267.243.062
Số dư tại 31/12/2025	102.290.162.922	47.757.699.409	17.099.427.167	925.356.353	227.506.397	168.300.152.248
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	66.150.627.500	10.586.886.750	1.746.563.012	17.628.605	441.663.571	78.943.369.438
Tại 31/12/2025	62.225.864.168	5.515.625.790	1.452.015.807	47.446.127	733.428.735	69.974.380.627

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 114.298.924.398 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 105.477.382.603 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phân mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	9.357.098.213	1.816.413.286	195.992.522	11.369.504.021
Tăng trong năm	609.000.552	38.683.500	-	647.684.052
Khấu hao trong năm	609.000.552	38.683.500	-	647.684.052
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	9.966.098.765	1.855.096.786	195.992.522	12.017.188.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	34.607.871.931	126.708.754	-	34.734.580.685
Tại 31/12/2025	33.998.871.379	88.025.254	-	34.086.896.633

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 1.945.697.062 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.945.697.062 VND).

5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	41.120.042.125	-	-	41.120.042.125
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.716.065.486	-	-	18.716.065.486
- Cơ sở hạ tầng	5.436.403.919	-	-	5.436.403.919
Giá trị hao mòn lũy kế	31.503.591.588	816.506.518	-	32.320.098.106
- Quyền sử dụng đất	2.110.572.764	58.817.988	-	2.169.390.752
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.756.371.915	175.992.324	-	8.932.364.239
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.275.713.256	244.451.698	-	18.520.164.954
- Cơ sở hạ tầng	2.360.933.653	337.244.508	-	2.698.178.161
Giá trị còn lại	9.616.450.537	-	816.506.518	8.799.944.019
- Quyền sử dụng đất	1.700.820.136	-	58.817.988	1.642.002.148
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.399.807.905	-	175.992.324	4.223.815.581
- Nhà và quyền sử dụng đất	440.352.230	-	244.451.698	195.900.532
- Cơ sở hạ tầng	3.075.470.266	-	337.244.508	2.738.225.758

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 8.576.775.053 VND (tại ngày 01/01/2025 là 8.576.775.053 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	-	4.895.984.545
Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Tân Bình	9.330.512.273	9.330.512.273
Các dự án khác	-	3.629.414.546
Tổng	9.952.321.851	18.477.720.942

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông				78.273.151.211	99.957.568.728
Công ty Cổ phần Viettronimex	42,16%		42,16%	-	21.684.417.517
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33,77%		33,77%	13.987.729.333	13.987.729.333
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28,52%		28,52%	2.278.518.130	2.278.518.130
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49,00%		49,00%	895.348.195	895.348.195
Công ty TNHH DM Vina	41,74%		41,74%	1.276.595.137	1.276.595.137
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (*)	30,00%		30,00%	38.846.960.416	38.846.960.416
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (*)	38,00%		38,00%	510.000.000	510.000.000
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (*)	43,75%		43,75%	1.178.000.000	1.178.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức I	36,00%		36,00%	17.500.000.000	17.500.000.000
Tổng				1.800.000.000	1.800.000.000
				78.273.151.211	99.957.568.728
				42.481.683.297	69.306.411.992

(*): Đây là các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại các Công ty con của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	74.395.617.345	74.395.617.345	53.859.947.294	53.859.947.294
Công ty Cổ phần YOTEK	-	-	433.947.240	433.947.240
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	14.430.087.961	14.430.087.961	-	-
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.591.083.832	6.591.083.832	6.091.063.662	6.091.063.662
Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	7.579.171.121	7.579.171.121	7.579.171.121	7.579.171.121
Công ty Cổ phần MEDITRONIC	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000
Công ty Cổ phần kỹ thuật O & C	7.850.148.074	7.850.148.074	3.352.750.439	3.352.750.439
Các đối tượng khác	33.410.296.357	33.410.296.357	31.868.184.832	31.868.184.832
Tổng	74.395.617.345	74.395.617.345	53.859.947.294	53.859.947.294

5.16 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	13.139.695.488	21.367.886.258
Công ty Cổ phần Kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	10.705.150.977
Các khách hàng khác	2.434.544.511	10.662.735.281
Tổng	13.139.695.488	21.367.886.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	2.491.646.859	46.463.888.830	45.231.935.403	3.723.600.286
Thuế giá trị gia tăng	1.243.209.344	12.726.697.927	12.655.582.271	1.314.325.000
Thuế XNK	-	221.510.634	221.510.634	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.046.254.336	6.374.589.628	5.177.967.411	2.242.876.553
Thuế thu nhập cá nhân	77.537.113	1.371.444.953	1.335.957.833	113.024.233
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.646.066	25.355.006.595	25.426.278.161	53.374.500
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	221.513.247	221.513.247	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	193.125.846	193.125.846	-
Phải thu	688.766.191	94.756.620	341.783.025	935.792.596
Thuế giá trị gia tăng	15.667.895	-	33.805.908	49.473.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	631.609.901	54.756.620	-	576.853.281
Thuế thu nhập cá nhân	41.488.395	40.000.000	-	1.488.395
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	307.977.117	307.977.117
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	4.734.893.448	4.078.591.776
Trích trước tiền thuê đất	601.099.492	601.099.492
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	497.235.027	291.920.064
Chi phí vận chuyển lắp đặt	204.424.000	631.099.224
Chi phí bán hàng	-	2.116.153.659
Chi phí phải trả khác	3.432.134.929	438.319.337
Dài hạn	15.720.017.195	12.962.237.505
Trích chi phí thuê đất KCN Cát Lái	5.020.017.230	4.462.237.505
Các khoản khác	10.699.999.965	8.500.000.000
Tổng	20.454.910.643	17.040.829.281

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	9.940.323.664	13.583.546.719
Kinh phí công đoàn	311.055.749	330.716.953
Bảo hiểm xã hội	-	13.424.895
Bảo hiểm y tế	147.841	-
Phải trả cổ phần hóa	25.927.500	25.927.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.688.130.150	3.600.956.150
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.915.062.424	9.612.521.221
<i>Lãi vay ngân hàng</i>		-
<i>Cổ tức phải trả</i>	3.390.382.100	7.094.895.700
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	1.222.280.324	1.215.225.521
Dài hạn	37.113.324.147	37.396.424.091
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	37.063.324.147	37.396.424.091
Các khoản phải trả phải nộp khác	50.000.000	-
Tổng	47.053.647.811	50.979.970.810

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Số có khả				Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định	8.665.000.000	8.665.000.000	17.130.000.000	11.984.779.000	3.519.779.000	3.519.779.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch III (i)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Khang Trang (ii)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường (ii)	148.000.000	148.000.000	-	-	148.000.000	148.000.000
Các đối tượng khác (ii)	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Tổng	8.665.000.000	8.665.000.000	17.130.000.000	11.984.779.000	3.519.779.000	3.519.779.000

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/324800/HĐTD ký ngày 30/6/2025 giữa Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch III. Hạn mức tín dụng: 130 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay 30 tỷ đồng; hạn mức phát hành L/C, BLTT 30 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh khác 130 tỷ đồng. Thời hạn từ ngày 30/6/2025 đến ngày 30/6/2026. Biện pháp bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh của Bên vay/Bên thứ ba.
- (ii) Các khoản vay cá nhân không có tài sản thế chấp, lãi suất 0%/năm - 5%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.491.808.762	26.619.705	(31.834.634.819)	133.493.674.434	561.138.368.439
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.273.636.128)	6.606.486.643	332.850.515
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.204.604.000)	(5.204.604.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	(1.256.940.312)	-	-	(38.738.932)	(1.295.679.244)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.033.467.695)	(880.403.466)	(1.913.871.161)
Trích thưởng Ban điều hành, thù lao HĐQT (Công ty con)	-	-	-	-	-	(134.311.620)	(115.688.380)	(250.000.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	2	-	(2.257.744.998)	167.850.097	(2.089.894.899)
Số dư tại 31/12/2024	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(41.533.795.260)	134.028.576.396	550.717.169.650
Số dư tại 01/01/2025	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(41.533.795.260)	134.028.576.396	550.717.169.650
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	60.868.097.642	7.822.079.149	68.690.176.791
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	-	-	-	-	-	(875.884.865)	(725.647.015)	(1.601.531.880)
Trích thưởng Ban điều hành, thù lao HĐQT (Công ty con)	-	-	-	-	-	(124.111.620)	(105.888.380)	(230.000.000)
Chi trả cổ tức (Công ty con)	-	-	-	-	-	-	(4.910.604.000)	(4.910.604.000)
Biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	(1.519.684.964)	-	2.993.273.515	(1.473.588.551)	-
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	8.056.565	-	(1.705.208.394)	1.697.151.829	-
Điều chỉnh do thoái vốn công ty liên kết	-	-	-	-	-	(5.238.132.945)	-	(5.238.132.945)
Tặng/giảm khác	-	4.222	-	-	-	209.993	(1.686.021)	(1.471.806)
Số dư tại 31/12/2025	438.000.000.000	(13.064.948.729)	(19.974.146.692)	51.723.240.053	26.619.705	14.384.448.066	136.330.393.407	607.425.605.810

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	385.297.500.000
Tập đoàn Geleximco - CTCP	385.297.500.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Tổng	438.000.000.000	438.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Restate)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	238.971,53	5.965.195.469	92.469,73	2.335.173.826
EUR	466,05	15.033.145	485,99	12.724.676

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	13.484.064.156	15.967.177.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.738.489.425	137.597.163.141
Doanh thu bán hàng hóa, lắp đặt	172.411.600.986	112.250.210.146
Doanh thu xây lắp	6.825.769.877	11.631.311.145
Doanh thu khác	21.961.879.022	19.120.778.365
Tổng	390.421.803.466	296.566.640.509
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	86.895.501	58.962.384
Giảm giá hàng bán	23.454.546	-
Tổng	110.350.047	58.962.384

Doanh thu thuần

Doanh thu bán thành phẩm	13.484.064.156	15.908.215.328
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.628.139.378	137.597.163.141
Doanh thu bán hàng hóa, lắp đặt	172.411.600.986	112.250.210.146
Doanh thu xây lắp	6.825.769.877	11.631.311.145
Doanh thu khác	21.961.879.022	19.120.778.365
Tổng	390.311.453.419	296.507.678.125

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Giá vốn thành phẩm đã bán	9.897.758.710	15.600.732.150
Giá vốn cung cấp dịch vụ	84.938.980.739	56.330.531.236
Giá vốn bán hàng hóa, lắp đặt	166.410.213.492	109.048.954.925
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.830.435.196	10.893.797.109
Giá vốn khác	5.642.341.232	5.068.802.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22.809.434.847	906.844.597
Tổng	296.529.164.216	197.849.662.697

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.603.080.241	7.757.669.127
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	87.886.484	59.433.317
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	225.572.987	416.518.039
Lãi thanh lý khoản đầu tư	149.675.582.483	-
Doanh thu tài chính khác	378.970.453	3.327.480.000
Tổng	158.971.092.648	11.561.100.483

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	158.632.086	473.281.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	133.052.492	164.681.529
Chi phí tài chính khác	-	85.094.964
Tổng	291.684.578	723.058.331

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng	41.201.557.131	32.002.228.332
Chi phí nhân viên	11.688.454.529	11.210.732.336
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	176.432.857	107.755.614
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	689.256.538	146.231.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.445.654.172	6.048.932.505
Chi phí bảo hành	(594.380.500)	7.070.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.712.400.770	3.908.903.388
Chi phí bằng tiền khác	20.083.738.765	10.572.602.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.984.230.515	74.912.525.411
Chi phí nhân viên	40.764.495.950	37.467.017.908
Chi phí vật liệu quản lý	343.223.962	390.219.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	637.599.741	727.417.138
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.079.223.747	2.708.313.807
Thuế phí và lệ phí	1.671.256.400	6.028.721.990
Chi phí dự phòng	68.314.866.420	2.473.441.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.675.647.166	4.446.912.166
Chi phí bằng tiền khác	22.497.917.129	20.670.480.911
Tổng	184.185.787.646	106.914.753.743

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	368.921.300	3.219.818.182
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	510.882.227	42.727.273
Thu tiền bồi thường	2.106.334.980	-
Xử lý công nợ	927.702.281	467.473.147
Hợp tác khai thác mặt bằng	3.480.000.000	3.480.000.000
Các khoản khác	57.252.839	205.005.194
Tổng	7.451.093.627	7.415.023.796
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	326.704.614	250.721.421
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	228.403.422	12.217.926
Xuất hàng tồn kho trả bảo hiểm tiền bồi thường	2.270.692.402	-
Chi phí khác	3.574.491.960	315.270.115
Tổng	6.400.292.398	578.209.462
Lợi nhuận khác	1.050.801.229	6.836.814.334

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.429.346.248	3.567.668.480
Tổng	6.429.346.248	3.567.668.480

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lãi sau thuế Công ty mẹ thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	60.868.097.642	(6.273.636.128)
Các khoản điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (VND)	-	(999.996.485)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(875.884.865)
Trích thù lao Ban Điều hành và thù lao HĐQT	-	(124.111.620)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	60.868.097.642	(7.273.632.613)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (CP)	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.390	(166)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 thì lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ sẽ giảm đi tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận các công ty con của Tổng công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ (143) VND/cổ phiếu xuống còn (166) VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 (Trình bày lại)	Năm 2024 (Đã trình bày)	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(6.273.636.128)	(6.273.636.128)	-
Các khoản điều chỉnh giảm (VND)	(999.996.485)	-	(999.996.485)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(875.884.865)	-	(875.884.865)
Trích thù lao HĐQT và BKS (VND)	(124.111.620)	-	(124.111.620)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(7.273.632.613)	(6.273.636.128)	(999.996.485)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(166)	(143)	(23)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.822.548.348	142.297.535.473
Chi phí nhân công	71.296.709.158	57.167.884.112
Chi phí khấu hao	12.506.469.563	8.885.492.337
Chi phí dự phòng	87.532.941.713	2.473.441.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.986.726.429	19.641.910.818
Chi phí khác bằng tiền	45.542.495.781	50.405.991.973
Tổng	433.687.890.992	280.872.256.232

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Geleximco - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp Thái Bình	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Ô tô GEL-O&J	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Thiết bị khí tượng thủy văn và môi trường Việt Nam	Công ty liên quan của người nội bộ
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Geleximco - CTCP	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người quản lý khác	Lương và thù lao	3.524.393.938	2.731.810.001

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025) Phó Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025)	536.725.072	462.969.209
Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025) Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Phạm Nguyên Anh	(Miễn nhiệm ngày 08/01/2026) Phó Tổng Giám đốc	463.134.975	443.473.219
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026) Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/11/2025)	454.834.022	542.269.209
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)	18.000.000	313.297.915
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Đến ngày 09/4/2025); Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	414.012.113	419.127.229
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026) Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025)	131.874.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/11/2025)	76.086.150	-
Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)	407.865.679	-
Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)	96.000.000	-
Vũ Hoài Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 12/01/2026) Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 12/01/2026)	441.224.975	430.673.219
Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	36.000.000	36.000.000
Phạm Trung Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	36.000.000	36.000.000
Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	364.636.952	-
Tổng		3.524.393.938	2.731.810.001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Restate)
Cổ tức			1.172.440.000	-
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	Cổ tức	1.086.890.000	-
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	85.550.000	-
Lãi cho vay			275.000.005	-
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	Lãi cho vay	275.000.005	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		3.923.319.943	-
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	3.923.319.943	-
Phải thu về cho vay		9.900.000.000	10.100.000.000
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	9.000.000.000	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Công ty liên kết	900.000.000	900.000.000
Phải thu khác		230.496.948	230.496.948
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND tương ứng với 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên số dư khoản mục "Trả trước cho người bán dài hạn". Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty con - Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình quyết định trình bày phân loại lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất để đảm bảo số liệu kỳ này phù hợp và có thể so sánh được với số liệu kỳ trước.

Theo đó số liệu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty được trình bày lại như sau:

		Năm 2024	Năm 2024	
	Mã số	VND (Đã trình bày)	VND (Trình bày lại)	Chênh lệch VND
Giá vốn hàng bán	25	191.252.495.452	197.849.662.697	6.597.167.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	105.255.182.673	98.658.015.428	(6.597.167.245)
Chi phí bán hàng	26	38.599.395.577	32.002.228.332	(6.597.167.245)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thảo



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Quốc Hưng